BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2008/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
ban hành Quy chế xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý Chương trình, kế hoạch và đề án khuyến công quốc gia

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công thương;

Căn cứ Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp địa phương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý Chương trình, kế hoạch và đề án khuyến công quốc gia.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ chức năng thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Công nghiệp địa phương, Giám đốc các Sở Công thương, Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Huy Hoàng

QUY CHẾ
xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý Chương trình, kế hoạch và đề án khuyến công quốc gia

(ban hành kèm theo Quyết định số 08/2008/QĐ-BCT ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công thương)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát, đánh giá và quản lý chương trình, kế hoạch và đề án khuyến công quốc gia.

2. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện các chương trình, kế hoạch và đề án khuyến công quốc gia, bao gồm:

a) Các cơ sở công nghiệp nông thôn trực tiếp đầu tư sản xuất công nghiệp tại huyện, thị xã, thị trấn và xã, bao gồm các doanh nghiệp nhỏ và vừa; các hợp tác xã; các hộ kinh doanh cá thể;

b) Các tổ chức dịch vụ khuyến công;

c) Các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 134/2004/NĐ-CP).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Chương trình khuyến công quốc gia (KCQG) là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về công tác khuyến công quốc gia và địa phương trong từng giai đoạn (thường là 5 năm) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm mục tiêu khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xã hội và lao động ở các địa phương.

2. Kế hoạch khuyến công là tập hợp các đề án, nhiệm vụ khuyến công hàng năm, trong đó đưa ra tiến độ, dự kiến kết quả cụ thể cần đạt được nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình khuyến công quốc gia từng giai đoạn. Kế hoạch khuyến công quốc gia do Bộ trưởng Bộ Công thương phê duyệt; Kế hoạch khuyến công địa phương do chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt.

3. Đề án khuyến công là đề án được lập để triển khai một hoặc một số nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 3 Nghị định số 134/2004/NĐ-CP. Đề án khuyến công có mục tiêu,

nội dung và đối tượng thụ hưởng cụ thể, có thời gian thực hiện và kinh phí xác định.

4. Đề án khuyến công quốc gia là đề án khuyến công sử dụng kinh phí từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia để triển khai các hoạt động khuyến công theo chương trình, kế hoạch khuyến công do Bộ trưởng Bộ Công thương phê duyệt.

5. Đề án khuyến công địa phương là đề án khuyến công sử dụng kinh phí từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương để triển khai các hoạt động khuyến công theo chương trình, kế hoạch được Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt.

6. Tổ chức dịch vụ khuyến công là các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật (Trung tâm Khuyến công, cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp tư vấn...) có năng lực thực hiện các hoạt động, dịch vụ khuyến công như tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại và các hoạt động khác phù hợp với Điều 3, Nghị định số 134/2004/NĐ-CP nhằm phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại nông thôn.

7. Đơn vị thực hiện đề án là tổ chức dịch vụ khuyến công, các cơ sở công nghiệp nông thôn có đề án khuyến công được phê duyệt trong kế hoạch khuyến công quốc gia và chịu trách nhiệm thực hiện các đề án đó thông qua các hợp đồng kinh tế được ký với Cục Công nghiệp địa phương (Cục CNĐP).

8. Tổ chức, cá nhân thụ hưởng là tổ chức, cá nhân được thụ hưởng trực tiếp từ kết quả của việc triển khai đề án khuyến công.

Chương II

XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH VÀ ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG

Điều 3. Xây dựng chương trình khuyến công quốc gia

1. Chương trình KCQG được lập trên cơ sở đề xuất của các địa phương và của Bộ Công thương. Định kỳ từng giai đoạn, Bộ Công thương chỉ đạo Cục CNĐP hướng dẫn Sở Công thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức xây dựng chương trình khuyến công địa phương trình UBND cấp tỉnh phê duyệt và gửi Cục CNĐP tổng hợp.

2. Bộ Công thương căn cứ đề xuất của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục CNĐP, sự phù hợp của các đề án khuyến công với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vùng,

miền, địa phương xem xét, tổng hợp, xây dựng chương trình khuyến công quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định hiện hành.

Điều 4. Xây dựng kế hoạch khuyến công quốc gia

1. Kế hoạch khuyến công quốc gia được lập phù hợp với Chương trình khuyến công quốc gia trên cơ sở đăng ký của các địa phương, Trung tâm khuyến công Quốc gia. Báo cáo đăng ký các đề án khuyến công quốc gia bao gồm hai phần: (i) Kết quả thực hiện công tác khuyến công năm trước; Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công của năm hiện tại; (ii) Mục tiêu và định hướng công tác khuyến công của năm sau; Danh mục và báo cáo đề án khuyến công quốc gia đưa vào kế hoạch.

2. Trên cơ sở đăng ký của các địa phương, Trung tâm Khuyến công Quốc gia Cục CNĐP thẩm tra, bổ sung các nhiệm vụ của Cục để tổng hợp, xây dựng kế hoạch khuyến công quốc gia trình Bộ Công thương xem xét để tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách nhà nước của Bộ gửi Bộ Tài chính cân đối, bố trí vốn ngân sách.

Kế hoạch khuyến công quốc gia gồm hai phần: (i) Kết quả thực hiện công tác khuyến công năm trước trên địa bàn cả nước; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch KCQG của năm hiện tại; (ii) Mục tiêu, định hướng công tác khuyến công quốc gia của năm sau; Danh mục các đề án khuyến công dự kiến đưa vào kế hoạch.

3. Khi có Quyết định của Bộ Tài chính về giao dự toán ngân sách nhà nước, Cục CNĐP rà soát lại danh mục các đề án khuyến công quốc gia cho phù hợp với nguồn kinh phí KCQG được phân bổ trình Bộ trưởng Bộ Công thương xem xét, phê duyệt chính thức để triển khai thực hiện.

4. Cục CNĐP gửi Quyết định giao kế hoạch kinh phí khuyến công quốc gia của Bộ trưởng cho các đơn vị được giao kế hoạch để tổ chức thực hiện, Sở Công thương nơi có đề án triển khai thực hiện để quản lý và nghiệm thu cơ sở đề án, đồng thời thông báo trên mạng internet của Cục.

Điều 5. Nguyên tắc lập đề án khuyến công quốc gia

1. Phù hợp với chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của Đảng, Nhà nước; chiến lược, quy hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề trên phạm vi quốc gia, miền, vùng, từng địa phương.

2. Phù hợp với các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 3 và danh

mục, ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại Điều 6, Nghị định số 134/2004/NĐ-CP.

3. Phù hợp với Chương trình khuyến công quốc gia từng giai đoạn do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Giai đoạn từ năm 2008 - 2012 theo Quyết định số 136/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2012.

4. Phù hợp với Thông tư hướng dẫn và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động khuyến công.

Điều 6. Các đề án khuyến công quốc gia được ưu tiên

1. Về địa bàn: Ưu tiên các đề án khuyến công ở các địa bàn có công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chậm phát triển. Trong trường hợp các địa bàn có điều kiện như nhau thì ưu tiên các đề án khuyến công của các địa phương có kinh nghiệm, năng lực triển khai thực hiện đề án.

2. Về ngành nghề: ưu tiên các đề án hỗ trợ phát triển sản xuất, gia công, lắp ráp các sản phẩm cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; các đề án hỗ trợ sản xuất các sản phẩm có thị trường xuất khẩu; các đề án hỗ trợ sản xuất hàng tiêu dùng và thủ công mỹ nghệ; các đề án sản xuất không gây ô nhiễm môi trường.

Điều 7. Nội dung cơ bản của báo cáo đề án khuyến công quốc gia

Báo cáo đề án khuyến công quốc gia có những nội dung chủ yếu sau:

1. Sự cần thiết của đề án: khái quát tình hình chung (nêu tóm tắt tình hình ngành nghề trong đề án tại địa phương); lý do và sự cần thiết phải triển khai thực hiện đề án.

2. Mục tiêu: nêu những mục tiêu của đề án cần đạt được. Các mục tiêu phải rõ ràng, cụ thể, đáp ứng nhu cầu thực tế của cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

3. Quy mô đề án: nêu quy mô và các hoạt động chính của đề án.

4. Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện.

5. Nội dung và tiến độ: xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện và tiến độ thực hiện, tổ chức/cá nhân thực hiện.

6. Dự toán kinh phí: xác định tổng kinh phí cho đề án, trong đó phân rõ cơ cấu nguồn: kinh phí khuyến công (khuyến công quốc gia, khuyến công địa phương); kinh phí đóng góp của tổ chức, cá nhân thụ hưởng; nguồn khác (nếu có). Dự toán kinh phí được lập chi tiết cho từng nội dung công việc theo biểu mẫu quy định và phải phù hợp với các quy định hiện hành (theo mẫu Phụ lục 1). Đối với các đề án khuyến công điểm, thực hiện trong nhiều năm thì kế hoạch kinh phí còn phải được phân bổ theo tiến độ thực hiện hàng năm.

7. Tổ chức thực hiện: nêu phương án tổ chức thực hiện; đơn vị được giao tổ chức thực hiện phải đủ năng lực (gồm đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp) phù hợp với Điểm a, b, Khoản 2, Điều 1, Chương I của Quy chế này.

8. Hiệu quả của đề án: nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, tính bền vững của đề án sau khi kết thúc hỗ trợ.

Điều 8. Quy trình thẩm tra, thẩm định, phê duyệt kế hoạch và đề án khuyến công quốc gia

1. Thẩm định cấp cơ sở

a) Các đơn vị thực hiện đề án khuyến công (trừ các Trung tâm khuyến công quốc gia) lập các báo cáo đề án khuyến công theo các quy định tại Điều 7, Chương II của Quy chế này gửi Sở Công thương các tỉnh, nơi triển khai thực hiện đề án;

b) Giám đốc các Sở Công thương tổ chức thẩm định, thông qua các đề án khuyến công quốc gia nhằm đảm bảo các đề án khuyến công được lập phù hợp với các quy định hiện hành về công tác khuyến công; các mục tiêu của các đề án khuyến công phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chương trình khuyến công của địa phương. Công tác thẩm định đề án khuyến công do bộ máy giúp việc của Giám đốc Sở Công thương thực hiện. Các đề án khuyến công sau khi thông qua được lập thành kế hoạch theo biểu mẫu quy định tại Quy chế này (Phụ lục 2) gửi UBND tỉnh để báo cáo và Cục CNĐP để tổng hợp xây dựng kế hoạch khuyến công quốc gia năm;

c) Các đề án do các Trung tâm Khuyến công quốc gia lập được gửi trực tiếp về Cục CNĐP tổng hợp, phê duyệt sau khi đã thống nhất với Sở Công thương của các địa phương, nơi triển khai thực hiện đề án.

2. Thẩm định, phê duyệt kế hoạch khuyến công quốc gia cấp Bộ

Cục trưởng Cục CNĐP tổ chức thẩm định kế hoạch khuyến công quốc gia nhằm đảm bảo các đề án, kế hoạch khuyến công phù hợp với các quy định của Nhà nước về công tác khuyến công; phù hợp với Chương trình khuyến công quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; mục tiêu của các đề án, kế hoạch khuyến công quốc gia phù hợp với Quy hoạch phát triển công nghiệp của vùng, miền và cả nước.

Công tác thẩm định kế hoạch do bộ máy giúp việc của Cục trưởng thực hiện. Trường hợp cần thiết, Cục CNĐP có thể mời đại diện các Bộ, ngành, các cơ quan, tổ chức khác hoặc các chuyên gia để tham vấn ý kiến. Sau khi thẩm định, Cục CNĐP trình kế hoạch khuyến công quốc

gia lên Bộ trưởng Bộ Công thương xem xét, phê duyệt.

3. Hồ sơ đề án khuyến công khi thẩm định cấp cơ sở

- Công văn đề nghị của Đơn vị thực hiện đề án;

- Báo cáo đề án khuyến công được lập theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này. Đối với các đề án khuyến công mà Đơn vị thực hiện đề án không đồng thời là đơn vị thụ hưởng thì phải có ý kiến đồng ý của đơn vị thụ hưởng.

4. Hồ sơ đăng ký Kế hoạch khuyến công quốc gia để thẩm định tại Cục CNĐP

Các Sở Công thương gửi về Cục CNĐP 01 bộ hồ sơ tài liệu bao gồm:

- Báo cáo đăng ký đề án khuyến công quốc gia của Sở Công thương như quy định tại Khoản 1, Điều 4 của Quy chế này;

- Biểu tổng hợp các đề án khuyến công quốc gia;

- Báo cáo các đề án khuyến công quốc gia trong biểu tổng hợp.

5. Hồ sơ Kế hoạch khuyến công quốc gia trình Bộ Công thương phê duyệt

- Tờ trình của Cục CNĐP trình Bộ Công thương đề nghị phê duyệt Kế hoạch khuyến công quốc gia theo khoản 2, Điều 4 của Quy chế này;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt kế hoạch kinh phí khuyến công quốc gia của Bộ trưởng Bộ Công thương, kèm biểu tổng hợp kế hoạch kinh phí khuyến công quốc gia.

Điều 9. Nội dung thẩm định

1. Mức độ phù hợp của đề án với nguyên tắc được quy định tại Điều 5 Chương II của Quy chế này.

2. Mục tiêu, sự cần thiết và hiệu quả của đề án; tính hợp lý về sử dụng kinh phí, nguồn lực và cơ sở vật chất kỹ thuật khác.

3. Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đối tượng thụ hưởng.

4. Khả năng kết hợp, lồng ghép với các dự án, chương trình mục tiêu khác.

5. Sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu đề án.

Điều 10. Thời gian lập kế hoạch và phê duyệt kế hoạch

1. Các Đơn vị thực hiện đề án đăng ký đề án khuyến công với Sở Công thương trước 31 tháng 5 hàng năm. Hồ sơ đăng ký được quy định tại khoản 4 Điều 8 của Quy chế này.

2. Các Sở Công thương gửi hồ sơ đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia về Cục CNĐP để thẩm tra trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Hồ sơ thẩm tra được

quy định tại Khoản 5 Điều 8 của Quy chế này.

3. Cục CNĐP thẩm tra, bổ sung, tổng hợp Kế hoạch khuyến công quốc gia trình Bộ Công thương trước ngày 15 tháng 7 để phê duyệt gửi Bộ Tài chính đăng ký kinh phí hàng năm.

4. Khi có Quyết định của Bộ trưởng về việc giao dự toán ngân sách nhà nước, Cục CNĐP tổ chức rà soát, thẩm định danh mục các đề án và các nhiệm vụ khuyến công, lập kế hoạch trình Bộ xem xét, phê duyệt giao kế hoạch khuyến công quốc gia.

5. Cục CNĐP gửi kế hoạch khuyến công quốc gia đã được Bộ trưởng phê duyệt cho các đơn vị thực hiện đề án và các Sở Công thương có liên quan (để phối hợp chỉ đạo, quản lý, nghiệm thu cơ sở), tổ chức ký kết hợp đồng triển khai thực hiện.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN, QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Cục Công nghiệp địa phương

a) Chủ trì xây dựng chương trình khuyến công quốc gia từng giai đoạn, cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động khuyến công trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chủ trì xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí khuyến công quốc gia hàng năm để tổng hợp vào dự toán ngân sách chung của Bộ gửi Bộ Tài chính trình Chính phủ;

c) Thẩm tra, tổng hợp các đề án, kế hoạch khuyến công quốc gia trình Bộ trưởng Bộ Công thương xem xét, phê duyệt giao kế hoạch kinh phí khuyến công quốc gia năm;

d) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng đề án, kế hoạch, chương trình khuyến công quốc gia;

đ) Ký hợp đồng các đề án khuyến công quốc gia và hướng dẫn các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện;

e) Thanh lý và quyết toán các hợp đồng khuyến công quốc gia theo quy định;

g) Quản lý, theo dõi và tổng hợp báo cáo (quý, sơ kết 6 tháng, báo cáo tổng kết năm, báo cáo sơ kết và tổng kết chương trình khuyến công; báo cáo đột xuất) tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công địa phương và quốc gia trên phạm vi cả nước trình Bộ và các cơ quan có liên quan;

h) Chủ trì xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu và tổ chức đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện hoạt

động khuyến công cho cán bộ làm công tác khuyến công;

i) Đầu mối tổng hợp, giải quyết các vấn đề có liên quan đến công tác khuyến công quốc gia và địa phương;

k) Đầu mối giúp Bộ trưởng thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước khác về hoạt động khuyến công theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 134/2004/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Sở Công thương

a) Chủ trì xây dựng chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn, cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động khuyến công trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xây dựng đề án, kế hoạch khuyến công; thẩm định, lựa chọn, tổng hợp các đề án khuyến công quốc gia, lập kế hoạch báo cáo UBND, gửi Cục CNĐP thẩm tra, tổng hợp trình Bộ Công thương phê duyệt;

c) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện các đề án khuyến công quốc gia và địa phương. Đầu mối giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động khuyến công tại địa phương;

d) Tổ chức nghiệm thu cơ sở các đề án khuyến công quốc gia thực hiện trên địa bàn;

đ) Phối hợp với Cục CNĐP, các Bộ, ban ngành kiểm tra, đánh giá và giám sát thực hiện các đề án, kế hoạch khuyến công quốc gia tại địa phương;

e) Quản lý, theo dõi và tổng hợp báo cáo (quý, sơ kết 6 tháng, báo cáo tổng kết năm, báo cáo sơ kết và tổng kết chương trình khuyến công; báo cáo đột xuất) tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công địa phương và quốc gia trên địa bàn địa phương gửi Cục CNĐP và UBND cấp tỉnh;

g) Đầu mối tổng hợp, giải quyết hoặc trình các cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vấn đề có liên quan đến công tác khuyến công trên địa bàn địa phương;

h) Sở Công thương là cơ quan giúp UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tại địa phương.

3. Các Đơn vị thực hiện

a) Lập đề án và dự toán chi tiết ngân sách đề án theo quy định;

b) Tổ chức triển khai thực hiện đề án khuyến công quốc gia theo các nội dung đã được phê duyệt, các điều khoản của hợp đồng ký kết; sử dụng kinh phí có hiệu quả, đúng dự toán và các quy định hiện hành của Nhà nước;

c) Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, đánh giá, giám sát việc thực hiện các đề án;

d) Phối hợp với Sở Công thương tổ chức nghiệm thu cơ sở các đề án khuyến công. Thực hiện thanh lý và quyết toán kinh phí theo đúng quy định;

đ) Đảm bảo và chịu trách nhiệm pháp lý về các thông tin đã cung cấp cho cơ quan quản lý trong xây dựng kế hoạch, đề án, các loại báo cáo và các văn bản có liên quan khác của các đề án, kế hoạch khuyến công quốc gia;

e) Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu về đề án, kế hoạch khuyến công quốc gia theo quy định của pháp luật.

4. Các Bộ, ban ngành, cơ quan Trung ương trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công thương, Cục CNĐP, UBND các tỉnh, thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động khuyến công quốc gia.

Điều 12. Điều chỉnh, bổ sung, ngừng triển khai đề án

1. Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án khuyến công, các Sở Công thương có văn bản gửi Cục CNĐP trước 30 tháng 9, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng đề án.

2. Trên cơ sở đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án của các Sở Công thương, Cục CNĐP xem xét phê duyệt hoặc trình Bộ trưởng Bộ Công thương phê duyệt, cụ thể như sau:

a) Cục CNĐP phê duyệt các đề nghị điều chỉnh liên quan tới thay đổi địa điểm thực hiện đề án trong phạm vi một tỉnh, các điều chỉnh về đối tác thực hiện, các điều chỉnh không làm thay đổi hoặc giảm mức kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia;

b) Cục CNĐP xem xét trình Bộ Công thương phê duyệt đối với các đề nghị điều chỉnh khác như chuyển đổi địa điểm từ tỉnh này sang tỉnh khác, điều chỉnh tăng mức kinh phí hỗ trợ, các điều chỉnh dẫn đến thay đổi cơ bản nội dung của đề án (thay đổi nội dung hoạt động khuyến công), các đề nghị bổ sung đề án mới, ngừng triển khai thực hiện đề án;

c) Đối với các đề án có sai phạm trong việc thực hiện, không đáp ứng mục tiêu, nội dung, tiến độ thực hiện hoặc nội dung của đề án, không phù hợp Cục CNĐP xem xét, quyết định trình Bộ phê duyệt ngừng thực hiện.

3. Quyết định điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng thực hiện đề án khuyến công được Cục CNĐP thông báo trên mạng internet của Cục và gửi các Sở Công thương và các đơn vị thực hiện biết ngay sau khi ban hành.

Điều 13. Báo cáo thực hiện đề án

1. Các Đơn vị thực hiện đề án định kỳ lập báo cáo tiến độ thực hiện theo biểu mẫu quy định (theo Phụ lục số 3) gửi Cục CNĐP, Sở Công thương trước ngày 20 hàng tháng. Thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý đề án. Khi kết thúc thực hiện đề án đơn vị lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề án (kèm hồ sơ khi thanh lý, quyết toán hợp đồng).

2. Sở Công thương các tỉnh có trách nhiệm định kỳ hàng tháng tổng hợp, lập báo cáo việc thực hiện các đề án, kế hoạch, chương trình khuyến công quốc gia, khuyến công địa phương gửi Cục Công nghiệp địa phương trước ngày 25 hàng tháng.

Điều 14. Kiểm tra, giám sát và đánh giá thực hiện đề án, kế hoạch, chương trình khuyến công quốc gia

1. Cục CNĐP chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Vụ, Cục có liên quan, Sở Công thương các tỉnh, thành phố tổ chức kiểm tra, đánh giá, theo dõi, giám sát thực hiện các đề án, kế hoạch, chương trình khuyến công quốc gia.

2. Cục CNĐP lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá thực hiện đề án khuyến công quốc gia; đề xuất thành phần đoàn và có văn bản gửi các cơ quan có liên quan, Sở Công thương địa phương nơi triển khai thực hiện đề án, đơn vị được giao thực hiện đề án.

3. Sau kiểm tra, đánh giá trưởng đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tổng hợp đánh giá kết quả kiểm tra báo cáo Cục trưởng Cục CNĐP.

4. Các đơn vị thực hiện đề án, kế hoạch có trách nhiệm lập báo cáo theo yêu cầu của Cục và cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến đề án, kế hoạch. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện đề án, kế hoạch khuyến công quốc gia.

Chương IV

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Khen thưởng

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy chế này sẽ được khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt, có hiệu quả; thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ; thanh quyết toán đúng hạn, đúng tiến độ sẽ được ưu tiên xem xét khi tham gia các đề án, kế hoạch khuyến công quốc gia tiếp theo.

Điều 16. Xử lý vi phạm

Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi

phạm Quy chế này, tùy theo mức độ, bị xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Cục CNĐP chủ trì, phối hợp Sở Công thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các tổ chức, cá nhân có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này và tổng hợp báo cáo Bộ Công thương.

2. Các Cục, Vụ theo chức năng có nhiệm vụ tham gia phối hợp với Cục CNĐP tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá các đề án, kế hoạch, chương trình khuyến công quốc gia.

3. Cục CNĐP, các Cục, Vụ, Sở Công thương, tổ chức dịch vụ khuyến công; các cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động khuyến công quốc gia thực hiện nghiêm túc những quy định tại Quy chế này.

4. Cục CNĐP tổng hợp các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công thương xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế./.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Huy Hoàng

Phụ lục 1

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA

(ban hành kèm theo Quyết định số 08/2008/QĐ-BCT ngày 12 tháng 5 năm 2008)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Khoản chi	Tổng kinh phí	Trong đó			
			Kinh phí khuyến công quốc gia	Kinh phí khuyến công địa phương	Đóng góp của các đơn vị thụ hưởng	Nguồn khác
	Cộng					

Phụ lục 2

Tên đơn vị:

BIỂU TỔNG HỢP CÁC ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN BẰNG NGUỒN KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA NĂM 200...

(ban hành kèm theo Quyết định số 08/2008/QĐ-BCT ngày 12 tháng 5 năm 2008)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên đề án	Đơn vị thực hiện đề án	Mục tiêu và nội dung chính	Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian		Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó			Ghi chú
					Bắt đầu	Kết thúc		Kinh phí KCQG hỗ trợ	Đóng góp của tổ chức, cá nhân thụ hưởng	Nguồn khác	
	Cộng										

....., ngày..... tháng..... năm 200....

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG

(hoặc Giám đốc Trung tâm Khuyến công quốc gia)

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 3

Đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG
KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA

(ban hành kèm theo Quyết định số 08/2008/QĐ-BCT ngày 12 tháng 5 năm 2008)
(Hợp đồng số:..../HĐ-CNĐP ngày.... tháng.... năm 200...)
Tháng..... năm 200....

I. Đề án 1 (tên đề án ghi theo Hợp đồng):

1. Thời gian thực hiện theo HĐ: - Bắt đầu:

- Kết thúc:

2. Kết quả thực hiện:

2.1. Báo cáo cụ thể các công việc đã thực hiện theo từng nội dung, tiến độ trong đề án và hợp đồng; các chỉ tiêu đã đạt được; nêu khó khăn tồn tại (nếu có).

2.2. Dự kiến kế hoạch thực hiện tháng tới.

3. Tình hình sử dụng kinh phí:

3.1. Tình hình sử dụng kinh phí:

ĐVT: 1000 đồng

TT	Khoản chi (*)	Tổng theo dự toán			Đã chi (****)			Ghi chú
		Tổng	KPQG (**)	Nguồn khác (***)	Tổng	KPQG	Nguồn khác	
	Cộng							

Ghi chú: *. Phân mục các khoản chi theo mẫu dự toán kinh phí thực hiện;

**. Theo dự toán tại phụ lục hợp đồng;

***. Theo dự toán tại đề án;

***. Đã chi đến thời điểm báo cáo.

3.2. Số tiền kinh phí KCQG của đề án đã nhận theo hợp đồng.

4. Kiến nghị (nêu ngắn gọn các ý kiến, kiến nghị để thực hiện đúng nội dung, tiến độ, đạt hiệu quả của đề án)

4.1. Ý kiến của chủ đầu tư: đối với đề án xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ (nếu có).

4.2. Ý kiến của đơn vị thực hiện đề án.

II. Đề án 2: (áp dụng cho dạng 1 hợp đồng gồm nhiều đề án)

....., Ngày..... tháng..... năm 200....	....., Ngày..... tháng..... năm 200....
Xác nhận của Sở Công thương Nơi thực hiện đề án hoặc cơ quan chủ quản (đối với tổ chức kinh tế - xã hội)	Đơn vị ký hợp đồng với Cục CNĐP
(Ký tên, đóng dấu)	(Ký tên, đóng dấu)